

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-43



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên
Ông Đỗ Xuân Bình	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Trung	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Lạc	Phó Giám đốc
Ông Trương Văn Thục	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Đình Trung

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016

Số: 1760/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 10 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		467.746.665.332	652.846.254.605
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	96.420.680.104	102.554.012.448
111	1. Tiền		10.341.413.784	18.018.368.889
112	2. Các khoản tương đương tiền		86.079.266.320	84.535.643.559
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		273.143.519.877	341.508.779.225
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	328.391.368.920	406.796.203.684
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	16.753.592.210	16.005.515.635
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	13.627.211.569	7.141.839.108
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(85.628.652.822)	(88.434.779.202)
140	IV. Hàng tồn kho	11	94.110.480.220	189.110.844.464
141	1. Hàng tồn kho		94.292.880.220	189.293.244.464
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(182.400.000)	(182.400.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.071.985.131	19.672.618.468
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	79.397.086	89.658.426
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.299.586.914	18.932.237.392
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	693.001.131	650.722.650
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		247.681.383.264	161.122.625.562
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.494.887.800	1.494.887.800
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	1,494,887,800	1,494,887,800
220	II. Tài sản cố định		36.755.613.793	26,965,700,200
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	12.073.189.229	12.909.549.836
222	- Nguyên giá		26.771.908.970	26.771.908.970
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.698.719.741)	(13.862.359.134)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	24.682.424.564	14.056.150.364
228	- Nguyên giá		25.595.669.564	14.969.395.364
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(913.245.000)	(913.245.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	2.242.763.659	4.213.884.979
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.302.859.281)	(13.331.737.961)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	154.014.136.040	72.466.813.718
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		652.322.636	846.479.114
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		156.644.151.082	74.902.672.282
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.282.337.678)	(3.282.337.678)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		53.173.981.972	55.981.338.865
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	41.816.703.476	43.591.580.506
269	2. Lợi thế thương mại	16	11.357.278.496	12.389.758.359
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		715.428.048.596	813.968.880.167

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		277.772.221.525	370.438.220.335
310	I. Nợ ngắn hạn		268.188.497.245	360.854.496.055
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	39.618.551.951	67.891.114.923
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	3.297.870.576	32.374.780.246
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	10.329.919.385	8.646.212.083
314	4. Phải trả người lao động		3.661.106.128	2.494.898.469
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	16.659.734.135	14.286.936.391
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	105.750.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	45.631.122.808	29.957.202.826
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	147.140.727.643	204.987.694.639
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.849.464.619	109.906.478
330	II. Nợ dài hạn		9.583.724.280	9.583.724.280
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	7.281.450.236	7.281.450.236
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	2.302.274.044	2.302.274.044
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		437.655.827.071	443.530.659.832
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	437.655.827.071	443.530.659.832
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		16.205.655.694	15.284.101.624
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.262.822.711	18.431.081.412
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		172.655.591	6.737.363.908
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		11.090.167.120	11.693.717.504
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		23.801.348.666	23.429.476.796
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		715.428.048.596	813.968.880.167

(Handwritten signatures)

Lý Lệ Ninh
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trung
Giám đốc



Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	397.887.762.194	443.129.243.865
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		397.887.762.194	443.129.243.865
11	4. Giá vốn hàng bán	26	372.449.030.993	427.211.224.221
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.438.731.201	15.918.019.644
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	13.778.857.114	6.828.470.728
22	7. Chi phí tài chính	28	2.736.949.108	2.166.747.613
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.723.227.464	1.611.101.561
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(194.156.478)	(250.605.155)
25	9. Chi phí bán hàng	29	7.311.607.231	6.467.233.828
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	11.021.764.495	9.418.361.744
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.953.111.003	4.443.542.032
31	12. Thu nhập khác		1.321.294.736	1.218.395.142
32	13. Chi phí khác	31	7.850.690.359	203.523.413
40	14. Lợi nhuận khác		(6.529.395.623)	1.014.871.729
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.423.715.380	5.458.413.761
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.423.715.380	5.458.413.761
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		11.090.167.120	5.087.080.670
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		333.548.260	371.333.091
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33		132



Lý Lệ Ninh
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.423.715.380	5.458.413.761
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.839.961.790	4.163.760.695
03	- Các khoản dự phòng		(2.806.126.380)	(4.708.372.894)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		376.669	(288.105.036)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.578.622.636)	(6.117.638.636)
06	- Chi phí lãi vay		2.723.227.464	1.611.101.561
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.602.532.287	119.159.451
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		971.810.280	(78.277.790)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		95.000.364.244	(16.758.929.150)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(52.173.037.980)	6.403.821.518
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.785.138.370	1.630.906.109
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.537.450.439)	(1.494.901.712)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.833.634.416)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	464.025.300
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(103.550.000)	(667.656.480)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		44.545.806.762	(14.215.487.170)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	9.000.000
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.194.973.559	6.335.088.790
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.194.973.559	6.344.088.790
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		56.596.760.125	157.310.642.510
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(114.443.727.121)	(102.040.737.449)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(26.769.000)	(310.964.451)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(57.873.735.996)	54.958.940.610
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.132.955.675)	47.087.542.230

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		102.554.012.448	44.020.429.826
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(376.669)	292.805.036
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>96.420.680.104</u>	<u>91.400.777.092</u>



Lý Lệ Ninh
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tráng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2015, Công ty đã ký được gói thầu thiết kế và cung cấp thiết bị cho dự án Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với giá trị hợp đồng lớn. Sang kỳ này Công ty đã được nghiệm thu và thanh toán một phần hạng mục công việc, điều này làm cho doanh thu từ hoạt động xây dựng của Công ty tăng đột biến trong kỳ. Bên cạnh đó, do hoạt động thương mại (chủ yếu là buôn bán mặt hàng thép) có tỷ suất lợi nhuận thấp nên Công ty đang định hướng thu hẹp quy mô kinh doanh mảng hoạt động này, thể hiện ở doanh thu kinh doanh thương mại sụt giảm mạnh trong kỳ. Nhờ định hướng kinh doanh như vậy nên Công ty vẫn đạt được kết quả tốt trong việc tăng trưởng lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số Công ty con: 02 Công ty con
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng (*)	Đà Nẵng	49,79%	49,79%	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị

(*) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,79% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì nhân sự của Công ty chiếm 4/5 vị trí trong Hội đồng Quản trị, Trưởng ban kiểm soát cũng là người của Công ty nên Công ty có hoàn toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

- Công ty có các công ty liên kết được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam.	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tráng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

THÔNG
CÔNG TY
HÀ NỘI
EM T
SC
1 2016

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 30 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	04 năm

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cũng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ, Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông.

2.18 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh theo Ban Giám đốc VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	35.716.073.657	14.286.936.391	(21.429.137.266)	(1)
Phải trả ngắn hạn khác	319	8.528.065.560	29.957.202.826	21.429.137.266	(1)

(1) Khoản điều chỉnh là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả về Cổ phần hóa. Đây bản chất cũng là khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa nên Ban Giám đốc quyết định điều chỉnh khoản trích trước này sang mục phải trả ngắn hạn khác, chi tiết phải trả về cổ phần hóa.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	3.302.219.818	862.946.843
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.923.256.949	17.155.422.046
Tiền đang chuyển	115.937.017	-
Các khoản tương đương tiền	86.079.266.320	84.535.643.559
	96.420.680.104	102.554.012.448

Tại 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 4,6%/năm đến 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	30/06/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
				Giá trị ghi sổ xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam (*)	34,58%	34,58%	34,58%	846.479.114
	34,58%	34,58%	34,58%	846.479.114

(*): Nơi thành lập và hoạt động: Thành phố Hà Nội.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	16.800.000.000	-	16.800.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	841.102.790	(680.584.599)	841.102.790	(680.584.599)
- Công ty CP PEC Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty CP Đông môi và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(585.753.079)	3.621.000.000	(585.753.079)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (*)	81.741.478.800	-	-	-
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Siêu thị Hà Nội	170.431.509	-	170.431.509	-
	156.644.151.082	(3.282.337.678)	74.902.672.282	(3.282.337.678)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần IMICO với mục đích gắn trả công nợ. Các cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Giám đốc dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	97.122.994.887
- Công ty CP Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty CP XNK Tân Hồng	96.856.865.496	96.856.865.496
- Các khoản phải thu khách hàng khác	182.525.333.177	179.188.689.141
	328.391.368.920	406.796.203.684
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.	6.779.109.600	116.563.740

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP đầu tư Công nghệ Thông Minh	2.043.669.100	-	-	-
Công ty CP vật tư và thiết bị Toàn Cầu	2.022.574.012	-	-	-
Công ty TNHH Tin học EK	2.224.094.740	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	10.463.254.358	(918.895.664)	16.005.515.635	(918.895.664)
	16.753.592.210	(918.895.664)	16.005.515.635	(918.895.664)

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	36.541.770	(36.541.770)	36.541.770	(36.541.770)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.699.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	973.546.171	-	1.094.740.616	-
Tạm ứng	3.258.640.500	-	2.687.816.046	-
Ký cược, ký quỹ	15.927.029	-	15.972.181	-
Phải thu khác	2.643.556.099	(2.262.669.095)	3.306.768.495	(2.098.383.593)
	13.627.211.569	(2.299.210.865)	7.141.839.108	(2.134.925.363)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.494.887.800	-	1.494.887.800	-
	1.494.887.800	-	1.494.887.800	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 - NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar ⁽¹⁾	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng ⁽²⁾	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO ⁽³⁾	15.381.516.087	15.381.516.087	97.122.994.887	97.122.994.887
Công ty Cổ phần Viccom ⁽⁴⁾	5.606.092.500	5.606.092.500	16.172.564.700	16.172.564.700
Các đối tượng khác	132.882.204.685	104.228.824.964	134.491.859.365	105.838.479.644
	284.354.332.928	255.700.953.207	378.271.938.608	349.618.558.887

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra đối với các khoản nợ xấu.

Thông tin về các khoản nợ xấu có giá trị lớn:

(1): Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 đồng. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm nên Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không phải trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

(2): Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 đồng. Theo các hợp đồng thế chấp quyền đối nợ, hợp đồng ủy quyền, biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PVM) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCombank), PVCombank được toàn quyền thay mặt PVM tiến hành kiện để thu hồi nợ đối với Ngân hàng Agribank Hồng Hà là bên bảo lãnh cho Công ty CP XNK Tân Hồng. Hiện tại, PVCombank đã khởi kiện Agribank chi nhánh Hồng Hà khoản công nợ này là tài sản đảm bảo cho khoản vay PVCombank theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHHM - NH/TD11 ngày 04/04/2011 mà Công ty đang trình bày trên khoản mục vay và nợ thuế tái chính ngân hạn với số tiền 96.886.978.000 đồng nên Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không phải trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin về các khoản nợ xấu có giá trị lớn (tiếp theo):

- (3): Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO số tiền 15.381.516.087 đồng. Trong kỳ, công ty này đã thực hiện chuyển nhượng 10% vốn góp của Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO tại dự án HH3 Nam An Khánh cho phía Công ty với mục đích giảm trừ công nợ. Giá trị của 10% vốn góp tại dự án HH3 Nam An Khánh là 81.741.478.800 đồng được tính toán căn cứ trên chứng thư thẩm định của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Đầu tư VIC dự phòng đối với khoản phải thu này.
- (4): Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Viccom số tiền 5.606.092.500 đồng. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Viccom đã thực hiện chuyển nhượng mảnh đất tại phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội cho Công ty với giá trị 10.566.472.200 đồng để thanh toán một phần công nợ, phần còn lại Công ty Cổ phần Viccom cam kết sẽ thanh toán trong thời gian tới. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng có thể thu hồi được khoản công nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

10 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	30/06/2016		01/01/2016	
	Số dư nợ gốc VND	Dự phòng VND	Số dư nợ gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu D&T	16.985.149.669	(16.985.149.669)	16.985.149.669	(16.985.149.669)
Công ty TNHH Vạn Phúc	7.462.098.347	(7.462.098.347)	7.462.098.347	(7.462.098.347)
Công ty TNHH Thành Đức	21.344.119.114	(21.344.119.114)	21.494.119.114	(21.494.119.114)
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí	8.067.090.760	(8.067.090.760)	8.067.090.760	(8.067.090.760)
Các đối tượng khác	60.288.911.169	(31.770.194.932)	70.855.383.369	(34.426.321.312)
	114.147.369.059	(85.628.652.822)	124.863.841.259	(88.434.779.202)

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	380.540.893	-	379.113.957	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.364.417.362	-	150.533.242.719	-
- Dự án cung cấp thiết bị cho cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	37.350.865.989	-	130.690.805.538	-
- Các dự án khác	20.013.551.373	-	19.842.437.181	-
Hàng hoá	36.259.037.545	(182.400.000)	38.380.887.788	(182.400.000)
Hàng gửi đi bán	288.884.420	-	-	-
	94.292.880.220	(182.400.000)	189.293.244.464	(182.400.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	17.749.925.584	433.700.000		7.944.371.767		643.911.619		26.771.908.970		
Số dư cuối kỳ	17.749.925.584	433.700.000		7.944.371.767		643.911.619		26.771.908.970		
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	6.383.438.305	106.399.999		6.760.443.312		612.077.518		13.862.359.134		
- Khấu hao trong kỳ	466.297.068	19.999.998		339.928.317		10.135.224		836.360.607		
Số dư cuối kỳ	6.849.735.373	126.399.997		7.100.371.629		622.212.742		14.698.719.741		
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	11.366.487.279	327.300.001		1.183.928.455		31.834.101		12.909.549.836		
Tại ngày cuối kỳ	10.900.190.211	307.300.003		844.000.138		21.698.877		12.073.189.229		

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản có định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.324.580.928 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	14.056.150.364	913.245.000	14.969.395.364
- Mua trong kỳ (*)	10.626.274.200	-	10.626.274.200
Số dư cuối kỳ	24.682.424.564	913.245.000	25.595.669.564
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	913.245.000	913.245.000
Số dư cuối kỳ	-	913.245.000	913.245.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.056.150.364	-	14.056.150.364
Tại ngày cuối kỳ	24.682.424.564	-	24.682.424.564

(*) Đây là quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 5 Cụm 4, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội Công ty nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Viccom với mục đích gắn trừ công nợ phải thu.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối kỳ	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.834.657.198	7.497.080.763	13.331.737.961
- Khấu hao trong kỳ	972.442.866	998.678.454	1.971.121.320
Số dư cuối kỳ	6.807.100.064	8.495.759.217	15.302.859.281
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.944.885.742	2.268.999.237	4.213.884.979
Tại ngày cuối kỳ	972.442.876	1.270.320.783	2.242.763.659

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tráng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	69.561.177	89.658.426
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.835.909	-
	<u>79.397.086</u>	<u>89.658.426</u>
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.745.806	52.650.675
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	262.889.994
Lợi thế giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa	36.385.792	39.296.656
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng của Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	12.611.771.485	13.932.326.723
Chi phí sửa chữa văn phòng	407.899.603	687.332.372
Chi phí trợ cấp thôi việc	-	67.328.042
Chi phí trả trước dài hạn khác	211.966.869	6.822.123
	<u>41.816.703.476</u>	<u>43.591.580.506</u>

(*) Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp được trình bày tại thuyết minh số 19. "chi phí phải trả".

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	11.357.278.496	12.389.758.359
	<u>11.357.278.496</u>	<u>12.389.758.359</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tráng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần cơ khí công nghiệp Long Biên	3.530.290.577	3.530.290.577	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	2.789.092.560	2.789.092.560	-	-
Công ty TNHH IPC	9.913.090.886	9.913.090.886	-	-
Công ty TNHH Tin học EK	-	-	27.072.048.685	27.072.048.685
Phải trả các đối tượng khác	23.386.077.928	23.386.077.928	40.819.066.238	40.819.066.238
	39.618.551.951	39.618.551.951	67.891.114.923	67.891.114.923

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Công ty Cổ phần xây dựng và dịch vụ Khánh Hòa	499.800.000	-
Tổng Công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam	965.423.333	25.547.245.522
Các đối tượng khác	822.847.243	5.817.734.724
	3.297.870.576	32.374.780.246

CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY - THIẾT BỊ ĐẦU KHI

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	5.951.572.288	1.616.296.977	5.854.122.640	-	-	515.722.650	9.094.983	22.443.219	-	-	1.713.746.625
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	14.727.309	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	515.722.650	-	-	-	209.867.908	769.408.140	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	572.888.468	209.867.908	209.867.908	22.939.200	45.878.400	157.939.200	10.244.298	8.591.899.305	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	135.000.000	-	7.763.072.856	2.120.038.760	119.592.819	119.475.150	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.712.567	119.592.819	119.475.150	-	-	-	-	-	-	-	-
	650.722.650	8.646.212.083	9.746.497.069	8.105.068.248	693.001.131	10.329.919.385						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.144.733.560	1.958.956.535	-	-
- Chi phí phải trả tiền thuê nhà, thuế đất tại số 08 Trưng Thi	14.458.566.649	12.058.979.856	-	-
- Chi phí phải trả khác	56.433.926	269.000.000	-	-
	16.659.734.135	14.286.936.391		

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**21 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	119.058.070	161.131.198
- Bảo hiểm xã hội	292.325.771	11.088.701
- Bảo hiểm y tế	32.379.463	3.767.422
- Bảo hiểm thất nghiệp	14.345.190	-
- Phải trả về cổ phần hoá	27.137.967.061	27.137.967.061
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.389.780.678	1.961.109.678
- Phải trả các khoản tạm ứng của các đội xây dựng	-	185.117.125
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	645.266.575	497.021.641
	<u>45.631.122.808</u>	<u>29.957.202.826</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	435.215.700	435.215.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh nhà 1,3,5 Đinh Tiên Hoàng	6.846.234.536	6.846.234.536
	<u>7.281.450.236</u>	<u>7.281.450.236</u>

T
NG
EM
IEM
AS
T

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHI

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	196.784.789.239	196.784.789.239	56.596.760.125	111.170.361.921	142.211.187.443	142.211.187.443
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽¹⁾	12.013.494.318	12.013.494.318	-	116.000.000	11.897.494.318	11.897.494.318
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Pvcombank) ⁽²⁾	100.886.978.000	100.886.978.000	-	4.000.000.000	96.886.978.000	96.886.978.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ⁽³⁾	37.663.615.421	37.663.615.421	19.216.082.625	40.782.115.421	16.097.582.625	16.097.582.625
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽⁴⁾	43.120.701.500	43.120.701.500	35.080.677.500	64.772.246.500	13.429.132.500	13.429.132.500
Vay Cá nhân ⁽⁵⁾	3.100.000.000	3.100.000.000	2.300.000.000	1.500.000.000	3.900.000.000	3.900.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	8.202.905.400	8.202.905.400	-	3.273.365.200	4.929.540.200	4.929.540.200
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽⁶⁾	3.656.430.400	3.656.430.400	-	1.828.215.200	1.828.215.200	1.828.215.200
Vay cá nhân ⁽⁷⁾	4.546.475.000	4.546.475.000	-	1.445.150.000	3.101.325.000	3.101.325.000
	204.987.694.639	204.987.694.639	56.596.760.125	114.443.727.121	147.140.727.643	147.140.727.643



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08/Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	01/01/2016		Trong		30/06/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽⁶⁾	5.958.704.444	5.958.704.444	-	1.828.215.200	4.130.489.244	4.130.489.244
- Vay cá nhân ⁽⁷⁾	4.546.475.000	4.546.475.000	-	1.445.150.000	3.101.325.000	3.101.325.000
- Nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
	10.505.179.444	10.505.179.444		3.273.365.200	7.231.814.244	7.231.814.244
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.202.905.400)	(8.202.905.400)	-	(3.273.365.200)	(4.929.540.200)	(4.929.540.200)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	2.302.274.044	2.302.274.044			2.302.274.044	2.302.274.044

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Lãi suất 9%/năm, có điều chỉnh theo từng thời kỳ	Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/03/2015	11.897.494.318	Thanh toán tiền thực hiện hợp đồng 04/2011/LPG/PVMMACHINO - VINH NAM và 1 số hợp đồng khác	Tại san hình thành từ vốn vay là toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng số 04/2011/LPG/PVMMACHINO - VINH NAM ngày 09/09/2012 trị giá 924.330 USD
	Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1784.12.057.597402 ngày 08/11/2012, văn bản sửa đổi Hợp đồng số 01 ngày 19/03/2014	Lãi suất 9%/năm, có điều chỉnh theo từng thời kỳ	Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/03/2015	4.000.000.000	Thanh toán nhằm thực hiện hợp đồng số 337/2010/HĐCC/PVC/BDH-PVMMACHINO ngày 22/12/2010 với ban điều hành dự án xây dựng công trình kho chứa lạnh LPG Thị Vải, phụ lục hợp đồng số 140/PL/HĐ/PVC-PT-PVMMACHINO ngày 15/06/2011	Tại san hình thành từ vốn vay hoặc quyền đòi nợ theo hợp đồng số 337/2010/HĐCC/PVC/BDH-PVMMACHINO ngày 22/12/2010
	Hợp đồng tin dụng ngắn hạn số 2046.057.597402 ngày 21/12/2012, văn bản sửa đổi Hợp đồng số 01 ngày 19/03/2014	Lãi suất 9%/năm, có điều chỉnh theo từng thời kỳ	Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/03/2015	7.110.000.000	Thanh toán tiền thực hiện hợp đồng 03/2011/LPG/PVMMACHINO - ALPHA ECC cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam,	Tại san hình thành từ vốn vay là toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng số 02/2011/LPG/PVMMACHINO - MICP ngày 30/06/2012 trị giá 1.550.362 USD
2	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Chi tiết theo từng giấy nhận	Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 6 tháng	96.886.978.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thẻ chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay và/hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương tiện vay vốn tương lần
	Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 26/TĐHM-NH/TĐ1, công văn 3137/TCDK-TTGDHO ngày 29/05/2013 về việc mở thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn	Lãi suất theo từng thời kỳ	Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 6 tháng	96.886.978.000	Thanh toán tiền thực hiện các hợp đồng số 0608/2015/HĐ/MTB-EK ngày 6/8/2015, hợp đồng số 0608/2015/HĐ/MTB-EK ngày 6/8/2016, thanh toán tiền cho Công ty Viking HD01072015, thanh toán tiền cho Công ty EK Phan Lê Hộ 2407 và HD00505	Khoản phải thu từ Chủ đầu tư theo tiến độ của Dự án EX13;
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	Lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm 30/6/2016 là 9,2%	Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 6 tháng	16.097.582.625	Thanh toán cho các hợp đồng mua bán hàng hóa	Thẻ chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay và/hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương tiện vay vốn tương lần
	Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 02/2015/339/HĐTD ngày 15 tháng 06 năm 2015 và phụ lục gia hạn nợ ngày 27/06/2016	Lãi suất theo từng thời kỳ	Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 6 tháng	16.097.582.625	Thanh toán cho các hợp đồng mua bán hàng hóa	Khoản phải thu từ Chủ đầu tư theo tiến độ của Dự án EX13;
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Lãi suất vay theo thông báo	Thời hạn vay từ 02 tháng đến 07 tháng	13.429.132.500	Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cung cấp thép xây dựng cho các công trình và mua vật tư phục vụ các gói thầu	Tin chấp
	Các khoản vay ký kết với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Lãi suất vay từ 10%/năm đến 13,5%/năm	Thời hạn vay từ 03 tháng đến 06 tháng	13.429.132.500	Thanh toán cho các hợp đồng mua bán hàng hóa	Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và động sản của bên vay với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 42.841 triệu đồng theo các hợp đồng cầm cố số 90/2010/VCB-DN; 10/2010/VCB-DN; 035/2011/VCB-DN; 160/2012/VCB-DN và 162/2012/VCB-DN.
5	Các khoản vay cá nhân	Lãi suất vay từ 10%/năm đến 13,5%/năm	Thời hạn vay từ 03 tháng đến 06 tháng	3.900.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cung cấp thép xây dựng cho các công trình và mua vật tư phục vụ các gói thầu	Tin chấp
	Các khoản vay cá nhân	Lãi suất vay từ 10%/năm đến 13,5%/năm	Thời hạn vay từ 03 tháng đến 06 tháng	3.900.000.000	Thanh toán cho các hợp đồng mua bán hàng hóa	Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và động sản của bên vay với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 42.841 triệu đồng theo các hợp đồng cầm cố số 90/2010/VCB-DN; 10/2010/VCB-DN; 035/2011/VCB-DN; 160/2012/VCB-DN và 162/2012/VCB-DN.
Tổng cộng				142.211.187.443		

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHI

Số 08 Trưng Thị, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016 (VND)	Số nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
6	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 69/2012/VCB-KHDN ngày 26 tháng 03 năm 2012.	Lãi suất cho vay là lãi suất theo thông báo của bên cho vay trong từng kỳ, được ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh là ngày 26 của tháng cuối quý	60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên	4.130.489.244 1.909.646.400	1.828.215.200 1.203.764.800	Cơ cấu tài nguồn vốn dài hạn đã đầu tư vào Trung tâm ô tô Daesco số 25 Phun Dăng Lưu, thành phố Đà Nẵng bằng vốn chủ sở hữu để cấu trúc lại tình hình tài chính của công ty	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay tổng giá trị tài sản đảm bảo 24.778 tỷ đồng chi tiết theo hợp đồng cầm cố thế chấp số 035/2011/VCB-ĐN.
	Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 230/2012/VCB-KHDN ngày 20 tháng 09 năm 2012	Lãi suất cho vay là lãi suất theo thông báo của bên cho vay trong từng kỳ, được ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh là ngày 26 của tháng cuối quý	72 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên	2.220.842.844	624.450.400	Thanh toán các khoản chi phí đầu tư hệ thống kho bãi chứa hàng hóa tại Khu công nghiệp Thủy sản Thọ Quang - Đà Nẵng	Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và động sản của bên vay cùng với tài sản hình thành từ vốn vay tổng giá trị tài sản đảm bảo 41,92 tỷ đồng chi tiết theo hợp đồng cầm cố thế chấp số 160/2012/VCB-ĐN, 162/2012/VCB-ĐN, 90/2010/VCB-ĐN, 10/2010/VCB-ĐN và 035/2011/VCB-ĐN
7	Các khoản vay cá nhân Các khoản vay cá nhân	lãi suất 5% - 6%/ năm	Thời hạn vay đến năm 2016	3.101.325.000 3.101.325.000	3.101.325.000 3.101.325.000		Tín chấp
	Tổng cộng			7.231.814.244	4.929.540.200		

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	15.333.536.426	6.737.363.908	21.795.679.519	430.252.579.853
Lãi trong kỳ trước	-	-	5.087.080.670	371.333.091	5.458.413.761
Số dư cuối kỳ trước	386.386.000.000	15.333.536.426	11.824.444.578	22.167.012.610	435.710.993.614
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	15.284.101.624	18.431.081.412	23.429.476.796	443.530.659.832
Lãi trong kỳ này	-	-	11.090.167.120	333.548.260	11.423.715.380
Phân phối lợi nhuận	-	921.554.071	(18.220.102.212)	-	(17.298.548.141)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	(1)	(38.323.609)	38.323.610	-
Số dư cuối kỳ này	386.386.000.000	16.205.655.694	11.262.822.711	23.801.348.666	437.655.827.071

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015	15,00%	18.431.081.412
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	921.554.071
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	1.843.108.141
Chi trả cổ tức (bằng 4% vốn điều lệ)		15.455.440.000
Lợi nhuận chưa phân phối		210.979.200

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	51,58%	199.297.898.800	51,58%	199.297.898.800
Các cổ đông khác	48,42%	187.088.101.200	48,42%	187.088.101.200
	100%	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.455.440.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	15.455.440.000	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	16.205.655.694	15.284.101.624
	16.205.655.694	15.284.101.624

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, giá công, nhận ủy thác:	51.156.113	51.156.113

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.141,44	2.111,30

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
	13.933.607.722	13.963.451.108

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tráng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	262.050.636.107	427.981.011.268
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ, kinh doanh BĐS Đầu tư	12.793.939.781	13.220.680.168
Doanh thu thuần về hợp đồng xây dựng	123.043.186.306	1.927.552.429
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	123.043.186.306	1.927.552.429
- <i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính</i>	148.571.884.455	19.805.593.649
	397.887.762.194	443.129.243.865
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)	6.136.516.324	-

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	257.578.767.324	413.204.382.856
Chi phí cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư	10.437.111.890	10.039.133.678
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	104.433.151.779	1.767.707.687
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.200.000.000
	372.449.030.993	427.211.224.221

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	876.692.942	648.508.843
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	17.363.927
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.896.086.172	5.710.734.948
- <i>Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki</i>	6.197.086.172	5.710.734.948
- <i>Công ty TNHH FCC Việt Nam</i>	6.699.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.078.000	163.757.974
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	288.105.036
	13.778.857.114	6.828.470.728

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.723.227.464	1.611.101.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.344.975	490.834.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	376.669	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	64.811.594
	2.736.949.108	2.166.747.613

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.185.975	77.844.764
Chi phí nhân công	2.986.845.288	1.686.586.013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.340.008	77.491.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.687.658.978	3.176.456.281
Chi phí khác bằng tiền	480.576.982	1.448.855.413
	7.311.607.231	6.467.233.828

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	294.611.012	323.233.777
Chi phí nhân công	6.920.048.639	4.296.445.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	382.159.867	472.793.433
Thuế, phí, lệ phí	49.309.810	99.385.519
Hoàn nhập dự phòng	(2.806.126.380)	(3.735.671.575)
Lợi thế thương mại	1.032.479.863	1.032.479.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.694.090.845	2.982.822.025
Chi phí khác bằng tiền	3.455.190.839	3.946.872.945
	11.021.764.495	9.418.361.744

31 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp và phạt vi phạm luật thuế	7.829.480.073	-
Chi phí khác	21.210.286	203.523.413
	7.850.690.359	203.523.413

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(515.722.650)	3.317.911.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(3.833.634.416)
	(515.722.650)	(515.722.650)

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	11.090.167.120	5.087.080.670
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.090.167.120	5.087.080.670
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	38.638.600	38.638.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	287	132

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	307.319.768	492.944.454
Chi phí nhân công	11.786.884.173	6.724.704.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.807.481.927	4.163.760.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.527.111.184	13.607.563.070
Chi phí khác bằng tiền	3.504.558.506	3.548.139.810
	40.933.355.558	28.537.112.987

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.420.680.104	-	102.554.012.448	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	343.513.468.289	(84.709.757.158)	415.432.930.592	(87.515.883.538)
Đầu tư dài hạn	156.644.151.082	(3.282.337.678)	74.902.672.282	(3.282.337.678)
	<u>596.578.299.475</u>	<u>(87.992.094.836)</u>	<u>592.889.615.322</u>	<u>(90.798.221.216)</u>
			Giá trị số kế toán	
			30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			149.443.001.687	207.289.968.683
Phải trả người bán, phải trả khác			92.531.124.995	105.129.767.985
Chi phí phải trả			16.659.734.135	14.286.936.391
			<u>258.633.860.817</u>	<u>326.706.673.059</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.420.680.104	-	-	96.420.680.104
Phải thu khách hàng, phải thu khác	257.308.823.331	1.494.887.800	-	258.803.711.131
Đầu tư dài hạn	-	153.361.813.404	-	153.361.813.404
	353.729.503.435	154.856.701.204	-	508.586.204.639
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.554.012.448	-	-	102.554.012.448
Phải thu khách hàng, phải thu khác	326.422.159.254	1.494.887.800	-	327.917.047.054
Đầu tư dài hạn	-	71.620.334.604	-	71.620.334.604
	428.976.171.702	73.115.222.404	-	502.091.394.106

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	147.140.727.643	2.302.274.044	-	149.443.001.687
Phải trả người bán, phải trả khác	85.249.674.759	7.281.450.236	-	92.531.124.995
Chi phí phải trả	16.659.734.135	-	-	16.659.734.135
	249.050.136.537	9.583.724.280	-	258.633.860.817
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	204.987.694.639	2.302.274.044	-	207.289.968.683
Phải trả người bán, phải trả khác	97.848.317.749	7.281.450.236	-	105.129.767.985
Chi phí phải trả	14.286.936.391	-	-	14.286.936.391
	317.122.948.779	9.583.724.280	-	326.706.673.059

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DÀU KHÍ

Số 08 Trang Thủ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**37 - BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh.

	Hoạt động cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư		Hoạt động xây lắp		Hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và bên ngoài	262.050.636.107	12.793.939.781	123.043.186.306	-	-	-	397.887.762.194	397.887.762.194	-	397.887.762.194
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.471.868.783	2.356.827.891	18.610.034.527	-	-	-	25.438.731.201	25.438.731.201	-	25.438.731.201
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	10.626.274.200	-	-	10.626.274.200	10.626.274.200	-	10.626.274.200
Tài sản bộ phận	399.325.468.402	2.530.380.989	73.743.377.310	-	-	-	475.599.126.701	475.599.126.701	-	475.599.126.701
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	239.828.921.895	239.828.921.895	-	239.828.921.895
Tổng tài sản	399.325.468.402	2.530.280.989	73.743.377.310	-	-	-	715.428.048.596	715.428.048.596	-	715.428.048.596
Nợ phải trả bộ phận	88.588.144.281	-	7.868.175.895	-	-	-	96.456.320.176	96.456.320.176	-	96.456.320.176
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	181.315.901.349	181.315.901.349	-	181.315.901.349
Tổng nợ phải trả	88.588.144.281	-	7.868.175.895	-	-	-	277.772.221.525	277.772.221.525	-	277.772.221.525

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

42
VOT
WAP
EM T
SC

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mỗi quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu	6.136.516.324	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Công ty liên kết Bắc Việt Nam	39.191.454	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Công ty mẹ Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	6.097.324.870	-
Phải thu ngắn hạn khách hàng	6.779.109.600	116.563.740
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Công ty liên kết Bắc Việt Nam	72.052.243	116.563.740
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Công ty mẹ Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	6.707.057.357	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.302.155.425	1.440.086.213

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.



Lý Lệ Ninh
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016